

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – TP.HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1308/2026/DS-ST

Ngày: 29/6/2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Thị Thanh Thảo**

2. Ông **Phạm Văn Tuyền**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Chí Cường** – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: **Không thuộc trường hợp phải tham gia.**

Ngày 29 tháng 06 năm 2026, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1182/2026/TLST-DS ngày 10/4/2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1914/2026/QĐXXST-DS ngày 12/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 2437/2026/QĐST-DS ngày 04/6/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty T (Việt Nam)**; Địa chỉ: Số I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Bên nhận ủy quyền: Công ty L; địa chỉ: P, tầng D, Tòa nhà số G T, Phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phạm Thành N, sinh năm 2000; Địa chỉ: Số I P, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà **Trần Thái Hoàng Thanh B**, sinh năm 2004; Địa chỉ: C, ấp C xã T (ấp C, xã V cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Nguyễn Phạm Thành N có đơn đề nghị xét xử mặt, bà Trần Thái Hoàng Thanh B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được - nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Phạm Thành N trình bày:

Ngày 18/03/2025, Công ty T (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số: 6416054 (gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Trần Thái

Hoàng Thanh B với khoản vay trị giá 26.650.000 đồng được giải ngân ngày 19/03/2025 với mức lãi suất 39%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Trần Thái Hoàng Thanh B, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của bà Trần Thái Hoàng Thanh B. Theo Hợp đồng tín dụng, bà Trần Thái Hoàng Thanh B có trách nhiệm thanh toán là trả góp hàng tháng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 25/04/2025 đến ngày 25/03/2027 cho Công ty T (Việt Nam). Kể từ ngày được giải ngân đến nay Bà Trần Thái Hoàng Thanh B chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty T (Việt Nam) được 03 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là: 4.889.901 đồng. Trong đó: tổng nợ gốc đã trả là: 2.095.637 đồng; tổng số tiền lãi, phí đã trả là: 2.794.264 đồng.

Ngày 26/6/2025 đến nay Bà Trần Thái Hoàng Thanh B không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Công ty T (Việt Nam).

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu bà Trần Thái Hoàng Thanh B thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho bà Trần Thái Hoàng Thanh B biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, bà Trần Thái Hoàng Thanh B vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng cho phía Công ty. Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng Bà Trần Thái Hoàng Thanh B vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng cho phía Công ty. Nên Công ty T (Việt Nam) đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, tuyên buộc bà Trần Thái Hoàng Thanh B thanh toán cho Công ty T (Việt Nam) tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2026 là: 35.579.524 đồng (ba mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 24.554.363 đồng; Số tiền lãi trong hạn là: 7.619.412 đồng; Số tiền lãi quá hạn là: 3.010.810 đồng; Số tiền lãi chậm trả là: 394.939 đồng.

Bị đơn Bà Trần Thái Hoàng Thanh B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng do Tòa án triệu tập, thông báo nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp, quy định của pháp luật để giải quyết vắng mặt bà Trần Thái Hoàng Thanh B là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn bà Trần Thái Hoàng Thanh B, bà Trần Thái Hoàng Thanh B có nơi cư trú tại: C, ấp C xã T (ấp C, xã V cũ), Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) là ông Nguyễn Phạm Thành N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Trần Thái Hoàng Thanh B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Phạm Thành N và bị đơn bà

Trần Thái Hoàng Thanh B theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ kiện này.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự của các bên đương sự đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 và các quy định pháp luật có liên quan đang có hiệu lực áp dụng đối với quan hệ tranh chấp nêu trên để giải quyết vụ án.

[5] Xét thấy các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp mà bị đơn không có phản đối do đó căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì nguyên đơn không cần phải chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải chứng minh sự phản đối đó là có căn cứ và phải đưa ra chứng cứ để chứng minh. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ đó. Bà Trần Thái Hoàng Thanh B vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Bà Trần Thái Hoàng Thanh B từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[6] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo nội dung hợp đồng mà phía nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Phạm Thành N thì ngày 18/3/2025, Công ty T (Việt Nam) ký Hợp đồng tín dụng số: 6416054 về việc cấp tín dụng cho Bà Trần Thái Hoàng Thanh B với khoản vay trị giá 26.650.000 đồng, lãi suất 39%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, công ty đã giải ngân đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Trần Thái Hoàng Thanh B, số tiền giải ngân được chuyển vào tài khoản cá nhân của bà Trần Thái Hoàng Thanh B. Theo hợp đồng tín dụng, bà Trần Thái Hoàng Thanh B có trách nhiệm thanh toán trả góp hàng tháng trong kỳ hạn 24 tháng, kể từ ngày 25/4/2025 đến ngày 25/3/2027 cho Công ty T (Việt Nam). Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà Trần Thái Hoàng Thanh B chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty T (Việt Nam) được 03 kỳ với số tiền là 4.889.901 đồng. Như vậy, nội dung hợp đồng mà các bên xác lập thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái quy định pháp luật nên có hiệu lực, phù hợp với các quy định tại Điều 117 và Điều 463 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

[7] Bà Trần Thái Hoàng Thanh B vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 26/6/2025. Mặc dù, phía Công ty T (Việt Nam) đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Trần Thái Hoàng Thanh B vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Trần Thái Hoàng Thanh B vi phạm nghĩa vụ thanh toán (tại Phần B: Hợp đồng tín dụng, Mục 8. Thanh toán nợ gốc, tiền lãi và các nghĩa vụ tài chính khác của bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng) nên ngày 26/6/2025 Công ty T (Việt Nam) đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Phần B: Hợp đồng tín dụng, Mục 8.3 Trả nợ trễ hạn của bản đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng).

[8] Tính đến ngày 29/6/2026, bà Trần Thái Hoàng Thanh B còn nợ Công ty T (Việt Nam) các khoản sau: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 24.554.363 đồng; Số tiền lãi trong hạn là: 7.619.412 đồng; Số tiền lãi quá hạn là: 3.010.810 đồng; Số tiền lãi chậm trả là: 394.939 đồng. Tổng cộng là: 35.579.524 đồng. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc: 24.554.363 đồng, từ ngày Công ty T (Việt Nam) chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu

sang nợ quá hạn cho đến hiện tại. Công ty T (Việt Nam) đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là: 24.554.363 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

[9] Nay Công ty T (Việt Nam) đề nghị Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn bà Trần Thái Hoàng Thanh B: Buộc bà Trần Thái Hoàng Thanh B phải trả ngay một lần cho Công ty T (Việt Nam) tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2026 là: 35.579.524 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 24.554.363 đồng; Số tiền lãi trong hạn là: 7.619.412 đồng; Số tiền lãi quá hạn là: 3.010.810 đồng; Số tiền lãi chậm trả là: 394.939 đồng. Bà Trần Thái Hoàng Thanh B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/6/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[10] Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn Bà Trần Thái Hoàng Thanh B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bà Trần Thái Hoàng Thanh B đã trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thông báo cho bà Trần Thái Hoàng Thanh B biết nhưng đến tại phiên tòa hôm nay bà Trần Thái Hoàng Thanh B không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[11] Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 6416054 ngày đề nghị vay 18/3/2025 của bà Trần Thái Hoàng Thanh B ký với nội dung yêu cầu Công ty T (Việt Nam) cho vay với hạn mức tín dụng là 26.650.000 đồng. Từ giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 6416054 ngày đề nghị vay 18/3/2025 của bà Trần Thái Hoàng Thanh B, Công ty T (Việt Nam) đã giải ngân cho bà Trần Thái Hoàng Thanh B vay với hạn mức tín dụng là 26.650.000 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Quá trình thực hiện hợp đồng, nhiều lần Công ty T (Việt Nam) yêu cầu bà Trần Thái Hoàng Thanh B thanh toán nợ nhưng bà Trần Thái Hoàng Thanh B không thực hiện, do đó ngày 26/6/2025, Công ty T (Việt Nam) đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

[12] Căn cứ vào các điều khoản thỏa thuận tại giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 6416054 ngày đề nghị vay 18/3/2025 ký giữa Bà Trần Thái Hoàng Thanh B với Công ty T (Việt Nam) và căn cứ vào quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 91 và Điều 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, đối chiếu quy định như trên thì yêu cầu của Công ty T (Việt Nam) buộc Bà Trần Thái Hoàng Thanh B phải trả ngay một lần cho Công ty T (Việt Nam) tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2026 là: 35.579.524 đồng (Ba mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 24.554.363 đồng; Số tiền lãi trong hạn là: 7.619.412 đồng; Số tiền lãi quá hạn là: 3.010.810 đồng; Số tiền lãi chậm trả là: 394.939 đồng. Bà Trần Thái Hoàng Thanh B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/6/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[13] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Bà Trần Thái Hoàng Thanh B phải trả ngay một lần cho Công ty T (Việt Nam) tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/6/2026 là: 35.579.524 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 24.554.363 đồng; Số tiền lãi trong hạn là: 7.619.412 đồng; Số tiền lãi quá hạn là: 3.010.810 đồng; Số tiền lãi chậm trả là: 394.939 đồng. Bà Trần

Thái Hoàng Thanh B có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/6/2026 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

[14] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) về việc buộc bà Trần Thái Hoàng Thanh B tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[15] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2015) và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn bà Trần Thái Hoàng Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.778.976 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm bảy mươi sáu đồng); nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Áp dụng Điều 117, Điều 463; Khoản 1 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91 và Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Áp dụng Khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty T (Việt Nam) đối với bị đơn là bà Trần Thái Hoàng Thanh B về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bị đơn bà Trần Thái Hoàng Thanh B có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) tổng cộng số tiền tính đến ngày 29/6/2026 là: 35.579.524 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 24.554.363 đồng; số tiền lãi trong hạn là: 7.619.412 đồng; số tiền lãi quá hạn là: 3.010.810 đồng; số tiền lãi chậm trả là: 394.939 đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/6/2026) bà Trần Thái Hoàng Thanh B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Bị đơn bà Trần Thái Hoàng Thanh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.778.976 đồng (một triệu bảy trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng).

3.2. Hoàn lại cho nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí là: 742.709 đồng (bảy trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm lẻ chín đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0018747 ngày 26/3/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV10 – TP. Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Văn Cơ

